

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 04-6-2020

V/v: “*Không công nhận là  
vợ chồng; tranh chấp về nuôi  
con của nam, nữ chung sống  
với nhau như vợ chồng mà  
không đăng ký kết hôn*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Phạm Thị Thùy Trâm**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Bùi Mạnh Hùng**

2. Bà **Nguyễn Thị Bích Hằng**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hà Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá tham gia phiên tòa:**  
Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 16/2020/TLST- HNGĐ, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “*Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/5/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nông Thị D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lương Văn, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Nông Thị D trình bày:*

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Lương Văn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không làm thủ tục đăng

ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, chị và anh A về chung sống cùng nhau tại thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2011 anh A vi phạm pháp luật hình sự và đi chấp hành án tại trại giam. Đến tháng 01 năm 2017 thì anh A chấp hành án xong trở về nhà, vợ chồng tiếp tục chung sống cùng nhau nhưng chỉ hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A chơi bời, lêu lổng, không tu chí làm ăn. Khi chị khuyên bảo thì vợ chồng lại xảy ra cãi vã, xô xát, anh A đánh chị nhiều lần. Hai bên gia đình cũng đã khuyên nhủ, hòa giải nhưng anh A không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng cũng không hòa giải được, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn khiến cuộc sống căng thẳng, không có hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2019 thì anh A bỏ nhà đi làm ăn, hai vợ chồng cũng sống ly thân từ đó cho đến nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Hiện tại chị xét thấy tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, do chị và anh A không có đăng ký kết hôn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Lương Văn A.

1.2. Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Lương Văn A sinh được 01 con chung tên là Lương Thị C L, sinh ngày 25/3/2004. Hiện nay cháu L đang ở cùng chị. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L và không có yêu cầu về cấp dưỡng.

1.3. Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Lương Văn A đến để giải quyết việc chị D đề nghị Tòa án giải quyết về quan hệ hôn nhân, trách nhiệm nuôi con nhưng anh A đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh A vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Theo lời khai của anh Lương Văn B (là anh trai ruột của anh Lương Văn A) thì anh A và chị D có được tìm hiểu, tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi cưới thì vợ chồng anh A, chị D làm ăn, sinh sống tại thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2011 thì anh A vi phạm pháp luật hình sự và phải đi chấp hành án tại trại giam Quyết Tiến. Năm 2017 thì anh A chấp hành án xong trở về địa phương, hai vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh A ham chơi, không tu chí làm ăn. Bản thân anh B và gia đình đã khuyên bảo anh A, hòa giải mâu thuẫn vợ chồng anh A và chị D nhưng anh A không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng cũng không hàn gắn được. Đến khoảng giữa năm 2019 thì anh A bỏ nhà đi làm ăn xa, anh A và chị D cũng sống ly thân với nhau từ đó. Khi đi khỏi địa phương anh A không thông báo với gia đình, chỉ thỉnh thoảng có liên lạc với gia đình nhưng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc nên anh và gia đình không biết địa chỉ nơi ở và nơi làm việc mới của anh A. Gia đình anh có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh A biết việc chị D có đơn đề nghị Tòa án không công nhận anh A và chị D là vợ chồng nhưng anh A không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Riêng bị đơn chưa thực

hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70; 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị: Áp dụng các Điều 28, 147, 227, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53, Điều 57, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” của chị Nông Thị D:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị D và anh Lương Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị C L, sinh ngày 25/3/2004 cho chị Nông Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản, đất đai và công nợ chung: Chị Nông Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về pháp luật tố tụng.*

Chị Nông Thị D xác định chị và anh Lương Văn A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2003 nhưng không đăng ký kết hôn; Chị D khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang giải quyết không công nhận chị và anh Lương Văn A là vợ chồng, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn; anh Lương Văn A có hộ khẩu thường trú tại thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Căn cứ theo Điều 14; 53 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về “*Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang.

Quá trình xác minh tại địa phương cho thấy, anh Lương Văn A có hộ khẩu thường trú tại thôn PK, xã KB, huyện CH, tỉnh TQ. Anh A đi làm ăn xa nhưng không thông báo địa chỉ mới nên hiện tại không rõ anh A đang ở đâu. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập, gia đình anh A đã thông báo cho anh A nhưng anh A vẫn không về và cũng không thông báo địa chỉ nơi ở và nơi làm việc, đây được xem là

trường hợp người bị kiện cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ nên Tòa án vẫn giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục niêm yết, tổng đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên bị đơn anh Lương Văn A vẫn vắng mặt lần thứ hai, chị Nông Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Chiêm Hóa quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nông Thị D và anh Lương Văn A chung sống với nhau từ năm 2003 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện chung sống, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, không có trường hợp nào có tên chồng là Lương Văn A và vợ là Nông Thị D đăng ký kết hôn tại UBND xã KB, huyện CH, tỉnh TQ.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*”. Chị Nông Thị D và anh Lương Văn A chung sống với nhau từ năm 2003 đến nay không có đăng ký kết hôn mặc dù có đủ điều kiện kết hôn, xong các bên không thực hiện nghĩa vụ kết hôn mà vẫn chung sống cùng nhau là hôn nhân bất hợp pháp, không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do vậy, cần tuyên xử không công nhận chị Nông Thị D và anh Lương Văn A là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Chị Nông Thị D và anh Lương Văn A có 01 con chung là Lương Thị C L, sinh ngày 25/3/2004. Xét thấy hiện anh Lương Văn A không có địa chỉ cư trú rõ ràng nên cần giao cháu Lương Thị C L, sinh ngày 25/3/2004 chị Nông Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình. Anh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nông Thị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

*[3] Về án phí và quyền kháng cáo:* Chị Nông Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn); các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội *quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án*;

*Tuyên xử*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “*Không công nhận là vợ chồng; tranh chấp về nuôi con của nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn*” của chị Nông Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nông Thị D và anh Lương Văn A là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Lương Thị C L, sinh ngày 25/3/2004 cho chị Nông Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lương Văn A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.*

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Nông Thị D phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001972, ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chiêm Hóa. Anh Lương Văn A không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nông Thị D, anh Lương Văn A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Mạnh Hùng**

**- Nguyễn Thị Bích Hằng**

**Phạm Thị Thùy Trâm**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Chiêm Hóa;
- UBND xã KB, huyện CH, tỉnh TQ;
- Chi cục THADS huyện Chiêm Hóa;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Thị Thùy Trâm**